

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày: 06 - 3 - 2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Tú.

Thẩm phán: Ông Lê Hữu Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Đáng.

Bà Nguyễn Thị Bích Loan.

Ông Dương Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Ánh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Cảnh- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, số A đường TĐT, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HS ngày 23/02/2023, đối với:

Bị cáo: Lê Văn H; giới tính: Nam; sinh ngày 09/02/1992, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H3, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú hiện nay: Tổ dân phố C, phường PT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Lê Văn H1, sinh năm 1960 và bà Võ Thị H, sinh năm 1963; có vợ là Nguyễn Thị Thuỳ Tr, con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 18/7/2022, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 25/07/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Trần Văn S, tên gọi khác: B, sinh năm 2003. Nơi cư trú: Thôn T, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

+ Bà Võ Thị H, sinh năm 1963 (là mẹ đẻ của bị cáo H). Nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường PT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Thôn H4, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Thôn H4, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Anh Nguyễn Đức M, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Thôn H3, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

+ Anh Phạm Đình Q, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Xóm V, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Nghệ An; có mặt.

+ Bà Trần Ngọc B, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường QL, thị xã BD, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H: Ông Đặng Ngọc Kh, Luật sư Văn phòng luật sư TH thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

Người làm chứng: Ông Ngô Quốc B, sinh năm 1974. Nơi cư trú: Thôn L, xã LS, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H từng có thời gian sinh sống và làm nghề sửa xe máy tại thành phố Pakxe, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào. Quá trình sinh sống ở đây, H có quen và thường mua ma túy của người đàn ông tên “Đ” (người Lào, chưa xác định được nhân thân, lai lịch), để sử dụng. Ngày 05/7/2022, H trở về Việt Nam sinh sống tại nhà bố mẹ ruột ở Tổ dân phố C, phường PT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do thường xuyên sử dụng ma túy nên ngày 12/7/2022, H dùng điện thoại liên lạc với “Đ” thông qua ứng dụng mạng xã hội “WhatsApp” (được đăng ký bằng số điện thoại +8562091357757) để đặt mua 80.000.000 đồng ma túy loại “hồng phiến” đưa về Việt Nam sử dụng. Ngày 15/7/2022, “Đ” báo cho H biết số ma túy H đặt đã được “Đ” cất giấu trong 02 lớp xe mô tô theo yêu cầu của H. Sau đó H liên hệ với nhà xe “TĐ” chạy tuyến Lào - Việt Nam thông qua chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1993, trú tại thôn H4, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế để đặt vận chuyển 02 lớp xe trên cùng một số phụ tùng xe máy từ Lào về Việt Nam và được chị T đồng ý vận chuyển với giá cước 3.500.000 đồng. Do bận công việc nên chị T nhờ anh Phạm Đình Q, sinh năm 1996, trú tại xóm V, xã ĐT, huyện YT, tỉnh Nghệ An đến kho hàng của Công ty vận chuyển tại Km 0 thành phố Pakxe, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nhận hàng từ một người đàn ông người Lào (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) rồi đem đến giao cho anh Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1971, trú tại thôn H4, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế, chủ nhà xe “TĐ” để vận chuyển về Việt Nam bằng xe

ô tô khách biển kiểm soát 75B- 0xx.yy do anh Nguyễn Đức M sinh năm 1984, trú tại thôn H3, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế điều khiển. H nhờ Trần Văn S, sinh năm 2003, trú tại thôn H4, xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế (S là cháu gọi H bằng cậu) chuyển 3.500.000 đồng từ tài khoản số 4005205325570 mở tại Ngân hàng Agribank của S sang số tài khoản số 122619041992 mở tại Ngân hàng MB Bank của Phạm Đình Q (do chị T sử dụng) trả tiền cước vận chuyển cho chị T.

Khoảng 10 giờ ngày 18/7/2022, biết xe ô tô 75B-0xx.yy về đến xã LB, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 75K1-1xx.yy đến nhận hàng. Khi về nhà, H lấy số ma túy trong 02 lớp xe mô tô mà “Đ” gửi đem cất giấu vào ngăn kéo kệ Tivi trong phòng ngủ của mình ở trong nhà bố mẹ đẻ tại Tổ dân phố C, phường PT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến chiều cùng ngày 18/7/2022, H lấy 19 túi ni lông bên trong chứa ma túy (04 túi màu hồng, 15 túi màu xanh) bỏ trong hộp đựng đồ phía trước bên trái xe mô tô biển kiểm soát 75K1-1xx.yy của H, rồi điều khiển xe chạy về huyện PL nhằm mục đích đưa ma túy đến mộ của con để cất giấu.

Vào lúc 17 giờ 20 phút cùng ngày, khi đến khu vực đường liên thôn L, thuộc thôn L, xã LS, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế, H bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện bắt quả tang, thu giữ của H 01 gói nilon màu đen, bên trong có 04 gói nilon màu hồng chứa 740 viên nén hình trụ tròn màu đỏ, một mặt có chữ “WY” và 15 gói nilon màu xanh chứa 2.775 viên nén hình trụ tròn màu đỏ, một mặt có chữ “WY”.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn H tại tổ dân phố C, phường PT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PL tiếp tục phát hiện và thu giữ 5.485 viên nén màu đỏ, trên bề mặt của mỗi viên có ghi chữ “WY” đựng trong 30 gói ni lông (05 gói màu trắng, 04 gói màu hồng và 21 gói màu xanh) mà H cất giấu ở ngăn kéo kệ Tivi trong phòng ngủ của mình.

Vật chứng cơ quan điều tra thu giữ:

- Thu giữ khi bắt quả tang:

+ 04 (bốn) gói nilong màu hồng và 15 (mười lăm) gói nilong màu xanh, bên trong tất cả các gói nilong này cứ tổng cộng 3.515 (ba ngàn năm trăm mười lăm) viên nén màu đỏ, trên bề mặt đều có chữ “ WY”;

+ 01 điện thoại di động hiệu iPhone, số Seri: DX3D7211N72P, số máy: MWHY2LL/A, bên trong có thẻ sim số điện thoại: 0333707245;

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: NOUVO, biển kiểm soát 75K1-1xx.yy, số máy: 1DB1-146553, số khung: 10DY-146541 kèm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 009977 mang tên Lê Văn H;

+ 01 sổ Hộ chiếu số C9893948 mang tên Lê Văn H;

+ 01 sổ International Driver's License số: 000692508.

- Thu giữ khi khám xét khẩn cấp chỗ ở: 05 (năm) gói nilong màu trắng, 04 (bốn) gói nilong màu hồng và 21(hai mươi một) gói nilong màu xanh, bên

trong tất cả các gói này chứa tổng cộng 5.485 (năm ngàn bốn trăm tám mươi lăm) viên nén màu đỏ, trên bề mặt đều có chữ “ WY ”.

- Tại bản Kết luận giám định số: 429/KL-KTHS ngày 22/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:

+ 3.515 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ trong gói niêm phong ký hiệu A1 gửi giám định có tổng khối lượng là 312,66 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

+ 1.848 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ trong gói niêm phong ký hiệu A2 gửi giám định có tổng khối lượng là 163,16 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

+ 1.840 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ trong gói niêm phong ký hiệu A3 gửi giám định có tổng khối lượng là 162,27 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

+ 1.797 viên nén đều có dạng hình trụ tròn màu đỏ trong gói niêm phong ký hiệu A4 gửi giám định có tổng khối lượng là 159,25 gam, là ma túy, loại Methamphetamine.

Mẫu vật hoàn lại sau khi giám định gồm: 312,36 gam trong gói niêm phong ký hiệu A1; 162,86 gam trong gói niêm phong ký hiệu A2; 161,97 gam trong gói niêm phong ký hiệu A3; 158,95 gam trong gói niêm phong ký hiệu A4.

Quá trình điều tra, bị cáo Lê Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 28/CT-VKSTTH-P1 ngày 28/11/2022 của Viện Kiểm sát tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 4 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế luận tội xác định hành vi phạm tội của bị cáo đúng như bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Về trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng điểm b khoản 4 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 (đề nghị Hội đồng xét xử chỉ áp dụng tình tiết “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, không áp dụng tình tiết “ăn năn hối cải” vì tại phiên tòa bị cáo không tỏ thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội), Điều 38 của Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo Lê Văn H từ 16 (mười sáu) năm tù đến 17 (mười bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong kín bằng giấy trắng, băng keo trong, bên trong gói niêm phong có chứa chất ma túy và các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định; bên ngoài gói niêm phong có 06 (sáu) chữ ký ghi họ tên Giám định viên Trần N; có 06 (sáu) chữ ký ghi họ tên Giám định viên Trần Minh Ch, có 06 (sáu) dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Lê Văn H, bắt ngày 18/7/2022”.

+ Tịch thu, sung vào Ngân sách nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu iPhone, số Seri: DX3D7211N72P, số máy: MWHY2LL/A, bên trong có thẻ sim số điện thoại: 0333707245; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: NOUVO, màu đen, đồ số máy: 1DB1-146553, số khung: 10DY-146541, biển kiểm soát 75K1-1xx.yy, xe đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 009977 mang tên Lê Văn H.

+ Trả lại cho bị cáo: 01 (một) sổ Hộ chiếu số C9893948 mang tên Lê Văn H; 01 (một) sổ International Driver's License số: 000692508.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Văn H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh và điều luật trên là đúng.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Văn H trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với tội danh và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét thêm cho bị cáo về nguyên nhân, điều kiện phạm tội, tình trạng sử dụng ma túy dễ dàng trong quá trình bị cáo sinh sống tại nước Lào; lỗi của bị cáo là cố ý gián tiếp. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” cho bị cáo; vì tâm lý của bị cáo khi đứng trước phiên tòa. Ngoài ra, mong Hội đồng xét xử xem xét thêm cho bị cáo lần đầu phạm tội, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình đã ly hôn vợ, phải nuôi con nhỏ. Về hình phạt đề nghị xét xử bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo sớm được trở về với gia đình.

Đôi đáp với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội thành khẩn khai báo”, không áp dụng thêm tình tiết “ăn năn hối cải”, như đề nghị của người bào chữa, vì quá trình khai báo tại phiên tòa bị cáo H không tỏ thái độ này. Về lỗi của bị cáo là cố ý trực tiếp, chứ không phải là lỗi cố ý gián tiếp như đề nghị của người bào chữa. Tội phạm mà bị cáo thực hiện là loại tội đặc biệt nghiêm trọng, về mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là đã có xem xét, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận mức hình phạt giảm nhẹ như đề nghị của người bào chữa cho bị cáo H.

Bị cáo Lê Văn H nhận tội, bị cáo không bổ sung ý kiến bào chữa, trong lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh gia đình để giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên: Trong quá trình thực hiện điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng

Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Vào lúc 17 giờ 20 phút ngày 18/7/2022, tại khu vực đường liên thôn L, thuộc thôn L, xã LS, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế phát hiện bắt quả tang đối với Lê Văn H đang có hành vi tàng trữ 3.515 viên ma túy loại Methamphetamine. Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của H tại tổ dân phố C, phường PT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế, Cơ quan điều tra tiếp tục thu giữ thêm 5.485 viên ma túy loại Methamphetamine mà H đã cất giấu trong ngăn kéo kệ Tivi đặt trong phòng ngủ của mình. Tổng số ma túy mà Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lê Văn H là 9.000 viên đã được gửi giám định và thể hiện tại bản Kết luận giám định số: 429/KL-KTHS ngày 22/7/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, có trọng lượng 797,34 gam loại Methamphetamine, được H tàng trữ trái phép nhằm mục đích để sử dụng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Văn H đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Do đó, bản Cáo trạng số 28/CT-VKSTTH-P1 ngày 28/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố đối với bị cáo Lê Văn H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo Lê Văn H thực hiện hành vi phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm để sử dụng là rất nguy hiểm, gây ra hậu quả rất xấu cho sức khỏe cho bản thân và cho xã hội. Tuy nhiên, vì muốn thỏa mãn nhu cầu của bản thân đối với ma túy nên các bị cáo đã thực hiện hành vi trái pháp luật, không những xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn làm lây lan, phát sinh tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội khác, gây ảnh hưởng đến an ninh tại địa phương nên cần thiết phải xử lý nghiêm khắc nhằm để giáo dục bị cáo và răn đe người khác. Trong vụ án này, bị cáo thực hiện tội phạm đặc biệt nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp, không phải lỗi cố ý gián tiếp như người bào chữa cho bị cáo phân tích và đề nghị.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo Lê Văn H có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo H không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết “ăn năn hối cải” cho bị cáo, tuy nhiên, Hội đồng xét xử xem xét toàn diện vụ án, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, nên áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

[5]. Về biện pháp chấp hành hình phạt:

Bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn quy định tại Điều 38 của Bộ luật Hình sự; cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Đối với hình phạt bổ sung, Hội đồng xét xử nhận định: Bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý các vật chứng đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế thu giữ như sau:

- Đối với 01 (một) gói niêm phong kín bằng giấy trắng, băng keo trong, bên trong gói niêm phong có chứa chất ma túy và các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định; bên ngoài gói niêm phong có 06 (sáu) chữ ký ghi họ tên Giám định viên Trần N, 06 (sáu) chữ ký ghi họ tên Điều tra viên Trần Minh C, 06 (sáu) dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Lê Văn H, bắt ngày 18/7/2022”, đây là chất độc hại, Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu iPhone, vỏ mặt sau màu xanh, số Seri: DX3D7211N72P, số máy: MWHY2LL/A, bên trong có gắn thẻ sim số điện thoại: 0333707245; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: NOUVO, màu đen - đỏ, số máy: 1DB1-146553, số khung: 10DY-146541, biển kiểm soát 75K1-1xx.yy, xe đã qua sử dụng và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 009977 mang tên Lê Văn H. Đây là phương tiện và công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào Ngân sách nhà nước.

- Đối với 01 (một) sổ Hộ chiếu số C9893948 mang tên Lê Văn H và 01 (một) sổ International Driver's License số: 000692508 đây là Giấy tờ tùy thân của bị cáo Lê Văn H không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[7]. Về các vấn đề khác: Trong vụ án này, đối với người đàn ông tên “Đen”, sống ở Pakxe, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã thực hiện các thủ tục ủy thác tư pháp cho Viện kiểm sát nhân dân tối cao, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào theo pháp luật hình sự và Luật Tương trợ tư pháp. Đối với chị Nguyễn Thị Thanh T, anh Phạm Đình Q, anh Nguyễn Đức M và ông Nguyễn Đức Đ là những người nhận vận chuyển 02 lớp xe mô tô, bên trong chứa ma túy từ Lào về Việt Nam cho bị cáo H. Quá trình điều tra xác định những người này không biết bên trong những

lốp xe mà mình nhận vận chuyển có chứa ma túy nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm. Đối với người đàn ông người Lào giao 02 lốp xe mô tô cho ông Q tại Km 0, thành phố Pakxe, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào, ông Q không biết là ai và không xác định được nhân thân, lai lịch của người này nên không có căn cứ xử lý. Đối với Trần Văn S giúp Lê Văn H chuyển trả tiền cước vận chuyển cho chị Nguyễn Thị Thanh T, quá trình điều tra xác định S không biết việc phạm tội của H nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự. Khi H cất giấu ma túy trong phòng ngủ tại nhà ở của bố, mẹ bị cáo là ông, bà Lê Văn H và Võ Thị H ở tổ dân phố C, phường PT, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Quá trình điều tra xác định thời điểm cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỉ có mẹ bị cáo (bà H) có mặt và không biết về hành vi vi phạm của bị cáo nên không có cơ sở xử lý.

[8]. Về án phí: Bị cáo Lê Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Lê Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

1. Về hình phạt:

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H 15 (mười lăm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giữ 18/7/2022.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên xử:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) gói niêm phong kín bằng giấy trắng, băng keo trong, bên trong gói niêm phong có chứa chất ma túy và các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định; bên ngoài gói niêm phong có 06 (sáu) chữ ký ghi họ tên Giám định viên Trần N, 06 (sáu) chữ ký ghi họ tên Điều tra viên Trần Minh C, 06 (sáu) dấu tròn đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và dòng chữ “Hoàn mẫu vật vụ Lê Văn H, bắt ngày 18/7/2022”.

- Tịch thu, sung vào Ngân sách Nhà nước

01 điện thoại di động hiệu iPhone vỏ mặt sau màu xanh, số Seri: DX3D7211N72P, số máy: MWHY2LL/A, bên trong có thẻ sim số điện thoại: 0333707245; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại: NOUVO, màu đen - đỏ, số máy: 1DB1-146553, số khung: 10DY-146541, biển kiểm soát 75K1-1xx.yy, xe đã qua sử dụng; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 009977 mang tên Lê Văn H.

- Trả lại cho bị cáo Lê Văn H: 01 (một) sổ Hộ chiếu số C9893948 mang tên Lê Văn H và 01 (một) sổ International Driver's License số: 000692508.

(Toàn bộ vật chứng có số lượng, đặc điểm theo Biên bản giao nhận lập ngày 02/12/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh Thừa Thiên Huế với Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lê Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan Thi hành án hình sự CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh TT Huế;
- Trại tạm giam CA tỉnh TT Huế;
- Bị cáo Hiền;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: hồ sơ vụ án; Tòa Hình sự; Tổ hành chính tư pháp; Thi hành án hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trần Ngọc Tú